ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39 /2018/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2014/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ: Y tế - Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 505/TTr-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2019 và thay thế Quyết định số 40/2004/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2004 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Chi cục Văn thư lưu trữ;
- Lưu: VT, TH, CTTĐT, NN(Tha).

15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thanh Tùng

Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Tỉnh Đắk Nông
28.12.2018
10:16:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập dự án đầu tư; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã); tổ chức, hộ gia đình và cá nhân về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (*kể cả các cơ quan, đơn vị Trung ương, tổ chức và cá nhân nước ngoài*) đang sinh sống hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Quy định này thống nhất với các từ ngữ sử dụng trong Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương II
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4: Nguyên tắc bố trí dự án đầu tư

1. Khuyến khích tất cả các dự án sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật phù hợp với ngành nghề sản xuất, bảo đảm giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh.

2. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiếp nhận dự án phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định và đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3. Các dự án sản xuất khi đầu tư ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp các quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất. Đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b) Bảo đảm khoảng cách an toàn về vệ sinh môi trường đối với khu dân cư và công trình khác theo quy định.

4. Các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản khi đầu tư phải phù hợp với quy hoạch chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản; Đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường, phải có đủ diện tích để bố trí hệ thống xử lý chất thải phù hợp với quy mô chăn nuôi và trồng cây xanh đảm bảo dải cách ly.

5. Vị trí xây dựng trang trại chăn nuôi, giết mổ gia súc gia cầm phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất của địa phương hoặc được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Khoảng cách từ trang trại, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 500m; đến trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm khác, chợ buôn bán gia súc, gia cầm và các nguồn gây ô nhiễm như bãi rác, nghĩa trang, nhà máy thải bụi và hóa chất độc hại tối thiểu là 1km.

Điều 5. Dự án không kêu gọi, thu hút đầu tư

Các dự án có khả năng gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các dự án sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

Điều 6. Đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

a) Các dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá tác động môi trường và thực hiện những nội dung đã cam kết về bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

b) Các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, xác nhận trước khi triển khai dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là

căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau: Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; Cấp, điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có Giấy phép xây dựng; Cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc đối tượng phải xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Chương III
BẢO VỆ MÔI TR ƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ

Điều 7. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (trừ các đối tượng quy định tại Phụ lục IV Ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ).

2. Thực hiện đầy đủ công trình bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận hoặc đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt, xác nhận.

Dự án thuộc đối tượng phải xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 thì chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

3. Có biện pháp giảm thiểu, thu gom và xử lý chất thải (chất thải rắn, chất thải lỏng, bụi, khí thải) đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí thải, hơi, khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động.

4. Phải bố trí điểm tạm lưu giữ chất thải rắn tại cơ sở trước khi được vận chuyển đi xử lý; hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý xử lý chất thải rắn; quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định.

5. Có kết cấu hạ tầng thoát nước mưa và nước thải. Không được phép xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

Đối với các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trường hợp cơ sở nằm trong khu vực có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì tuân thủ các quy định của tổ chức quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6. Có trang thiết bị và nguồn lực đảm bảo đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

7. Tổ chức quan trắc, giám sát môi trường định kỳ theo quy định.

8. Nộp thuế môi trường và phí bảo vệ môi trường theo quy định.

9. Khuyến khích các cơ sở sản xuất có công nghệ cũ, lạc hậu, phát sinh nhiều chất thải, gây ô nhiễm môi trường đổi mới công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, hạn phế phát thải và khuyến khích tuần hoàn tái sử dụng nước.

Điều 8. Bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi

Các cơ sở chăn nuôi tập trung phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

1. Phải xây dựng chuồng chăn nuôi hợp vệ sinh, không thả rông gia súc gia cầm. Chuồng nuôi gia súc, gia cầm phải tách biệt với nhà ở, không làm chuồng trên sông, suối, kênh, mương, khu công cộng; Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm phải đảm bảo vệ sinh, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; Có biện pháp thu gom và xử lý chất thải vật nuôi phù hợp theo quy định.

2. Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, đường thoát nước thải từ khu vực chuồng nuôi đến hệ thống xử lý nước thải phải kín, đảm bảo dễ thoát nước và thường xuyên được nạo vét, không để ứ đọng, tránh phát sinh mùi hôi, ruồi, muỗi; mạng lưới thoát nước thải và nước mưa phải tách riêng; có biện pháp xử lý mùi hôi tại khu vực chăn nuôi và khu xử lý nước thải; không thải trực tiếp chất thải chưa xử lý vào hệ thống tiêu thoát nước chung của khu vực hoặc môi trường xung quanh.

3. Chất thải rắn chăn nuôi phải được thu gom hàng ngày và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải, tránh phát tán ra môi trường; có biện pháp xử lý chất thải (đệm lót sinh học, hầm Biogas, hố ủ phân có nền chống thấm, nắp đậy kín) phù hợp quy mô nuôi.

4. Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;

5. Khuyến khích sử dụng các chế phẩm sinh học được phép sử dụng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền để xử lý chất thải trong chăn nuôi.

6. Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh. Nghiêm cấm việc vứt xác vật nuôi và vật nuôi bị nhiễm bệnh ra môi trường.

Điều 9. Yêu cầu bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư

1. Tất cả các công trình xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư phải có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; có hệ thống thoát nước đảm bảo các chức năng tiêu thoát nước nhanh chóng, không bị ngập úng; nước thải phải được thu gom từ nơi phát sinh và dẫn về

các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra môi trường.

2. Tại các khu vực công cộng như: hè phố, bến xe, công viên, chợ, trường học, bệnh viện, khu vui chơi... phải bố trí thùng rác công cộng đặt ở các vị trí phù hợp, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

3. Các hồ, ao, kênh, mương trong đô thị, khu dân cư phải được thống kê, khoanh định, bảo vệ, cải tạo; không lấn chiếm, san lấp, xây dựng trái phép công trình trên hồ, ao, kênh, mương.

4. Đối với khu dân cư phân tán phải có điểm tập kết rác thải tập trung; có hệ thống cung cấp nước sạch và các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Điều 10. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ môi trường trong gia đình và khu vực công cộng; khuyến khích giảm thiểu, phân loại rác thải tại nguồn, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo hương ước, quy ước của thôn, buôn, tổ dân phố và quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phải có biện pháp thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

3. Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh. Khi phát hiện các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải báo cáo kịp thời cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

4. Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nơi cư trú, khu vực công cộng; sử dụng hợp lý, tiết kiệm điện, nước, gas, than... trong sản xuất, sinh hoạt; thực hiện tiêu dùng ít phát sinh rác thải; tăng cường tái sử dụng chất thải, sử dụng các loại bao gói dễ phân hủy trong tự nhiên, các sản phẩm thân thiện với môi trường; hạn chế sử dụng bao bì nilon khó phân hủy.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Chủ các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư thì phải đồng thời lập hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

2. Áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiêu tốn ít nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đầu tư các công trình xử lý nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn môi trường hiện hành.

3. Thực hiện nghiêm các yêu cầu, nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường; báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận trước khi

đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chịu trách nhiệm duy trì, bảo dưỡng và vận hành các hệ thống xử lý chất thải trong suốt quá trình hoạt động.

4. Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn; trong quá trình hoạt động có phát sinh chất thải nguy hại phải lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, bố trí khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải phát sinh tại cơ sở và phải ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, nơi cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh và tại trụ sở của đơn vị để các cơ quan, tổ chức chính trị, người dân tại khu vực giám sát.

6. Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền đối với công tác bảo vệ môi trường.

7. Bố trí kinh phí để đầu tư, xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải; lập hồ sơ cấp phép xả thải và nộp các loại phí, lệ phí về bảo vệ môi trường theo quy định.

8. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

9. Khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường do hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở mình gây ra và báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phối hợp chỉ đạo khắc phục.

10. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các chính sách, pháp luật của nhà nước liên quan đến công tác bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

11. Định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường và quản lý chất thải với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

12. Thực hiện các trách nhiệm bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì soạn thảo, tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; trình UBND tỉnh phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

2. Phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các cấp chính quyền tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật và các hoạt động về bảo vệ môi trường;

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện, liên tỉnh;

4. Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường và quản lý thống nhất số liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện công bố thông tin môi trường theo quy định của pháp luật; tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường theo định kỳ và chuyên đề;

5. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường theo pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật thanh tra, pháp luật khiếu nại, tố cáo; xử lý hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý các vi phạm;

6. Giám sát, nhận dữ liệu quan trắc tự động của các khu công nghiệp; cụm công nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp có lưu lượng nước thải từ 1.000 m^3/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát), khí thải lớn.

7. Kết hợp hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực môi trường khi thẩm định nhu cầu sử dụng đất của dự án.

8. Thiết lập, duy trì đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường theo quy định;

9. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan điều tra, thống kê, đánh giá, công khai thông tin các nguồn xả thải chính vào hệ sông trên địa bàn tỉnh;

10. Đầu tư lắp đặt, vận hành các trạm quan trắc môi trường nước, không khí, đất để giám sát chất lượng môi trường tỉnh;

11. Không cấp phép, tham mưu UBND tỉnh không cấp phép khai thác nước dưới đất cho các tổ chức, cá nhân ở khu vực đã có trạm cấp nước tập trung; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định;

12. Hướng dẫn tổ chức thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh.

13. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, thị xã trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, thị xã trở lên; cung cấp cho UBND cấp huyện các dữ liệu, chứng cứ để xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái trên địa bàn huyện, thị xã trong trường hợp cơ sở đó thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh

giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết của UBND tỉnh, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm: Các giấy phép về môi trường, thông tin cơ bản về hoạt động của cơ sở, loại hình hoạt động, sản phẩm, công suất, nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất, chất thải, điểm xả thải, biện pháp xử lý chất thải, công tác quan trắc, phân tích các thông số môi trường.

14. Hàng năm, tổ chức đánh giá, tổng kết công tác bảo vệ môi trường đối với khu dân cư, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ; biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với công tác bảo vệ và cải thiện môi trường đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững;

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển sạch, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường; khuyến khích việc tiếp nhận các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chỉ tiếp nhận các dự án có công nghệ cao, công nghiệp sạch, thân thiện môi trường; kiên quyết từ chối các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều năng lượng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan trình UBND tỉnh ban hành các cơ chế ưu tiên đối với các dự án đầu tư xây dựng các hệ thống, cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, các dự án bảo vệ môi trường ở các ngành, các cấp như kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, tái chế chất thải, vệ sinh môi trường;

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Công thương

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại;

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan, định hướng việc bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh;

3. Chủ trì, hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu;

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động môi trường của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đề xuất và có phương án triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý;

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: trong quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải nông nghiệp, quản lý giống cây trồng, giống vật nuôi biến đổi gen và sản phẩm của chúng, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; phổ biến kỹ thuật nông nghiệp về quản lý dịch hại tổng hợp;

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các địa phương và các đơn vị có liên quan thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong công tác quản lý đê điều, thuỷ lợi, sản xuất nông nghiệp;

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các cấp hướng dẫn các tổ chức, cá nhân bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm; tiêu huỷ gia súc, gia cầm bị dịch bệnh trên địa bàn tỉnh;

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các cấp liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong phòng tránh thiên tai, dịch bệnh;

5. Kiểm tra, thanh tra việc vận chuyển, buôn bán động vật, thực vật quý, hiếm;

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện giám sát hoạt động xả nước thải vào nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp;

7. Phối hợp tổ chức thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 16. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

2. Tổ chức lực lượng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định; huy động lực lượng tham gia ứng phó với sự cố môi trường.

3. Tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; tiến hành điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định của pháp luật, chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài liệu, hồ sow vụ việc liên quan tới các vi phạm pháp luật về môi trường để thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền địa phương thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

5. Thực hiện tốt việc công khai thông tin các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp cung cấp thông tin về kết quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong công tác lập đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại các đô thị.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo ngân sách cho sự nghiệp môi trường theo Luật Ngân sách và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; cân đối bố trí chi sự nghiệp môi trường cho các ngành, các cấp kịp thời, hiệu quả và đảm bảo không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh (không kể vốn đầu tư xây dựng cơ bản);

2. Phối hợp với các ngành, các cấp huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các quỹ bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng;

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để giảm thiểu tác động đến môi trường; phát triển thị trường công nghệ tập trung ưu tiên trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường;

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh để phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, cũ, lạc hậu, chất lượng kém và gây ô nhiễm môi trường vào tỉnh.

Điều 20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân chấp hành pháp luật và trách nhiệm của công dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong việc bảo vệ môi trường gắn với việc thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

2. Xây dựng kế hoạch truyền thông về bảo vệ môi trường tại các khu dân cư và trong hệ thống tổ chức của mình đến cấp xã, công đồng khu dân cư; tuyên

truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường; tổ chức tập huấn kiến thức, giám sát, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và hộ gia đình ở địa phương.

4. Phối hợp với các đơn vị có liên quan đóng góp các kiến phản biện đối với các dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông

1. Xây dựng các chuyên mục về hoạt động bảo vệ môi trường. Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách về công tác bảo vệ môi trường trên báo Đắk Nông và Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông;

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện theo dõi, đưa tin, phóng sự, phản ánh kịp thời những hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường và biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường;

Điều 22. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;

2. Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;

3. Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo thẩm quyền; Thẩm định chặt chẽ hồ sơ môi trường của các trang trại chăn nuôi heo trước khi được cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường;

4. Tham gia Hội đồng cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; tham gia đoàn kiểm tra thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện;

5. Hàng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

6. Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;

7. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan;

8. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện;

9. Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của UBND cấp xã;

10. Có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai xã, thị trấn, thị tứ trở lên; tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn;

11. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn;

12. Phối hợp với UBND cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện.

Điều 23. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh giá thôn, bon, buôn, khu dân cư và gia đình văn hóa;

2. Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của chủ dự án về tham vấn nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trên địa bàn xã phải có văn bản phản hồi cho chủ đầu tư hoặc không cần có văn bản phản hồi trong trường hợp chấp thuận việc thực hiện dự án;

3. Yêu cầu các dự án đầu tư trên địa bàn niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại trụ sở UBND;

4. Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp;

5. Hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải;

6. Quản lý hoạt động của thôn, bon, buôn, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn;

7. Hàng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

8. Chủ trì, phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư;

9. Quy hoạch xây dựng khu mai táng, cát táng trên địa bàn cấp xã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

10. Có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình; thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ ban đầu về thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm,

suy thoái gây ra trên địa bàn kịp thời báo cáo UBND cấp huyện và đề nghị UBND cấp huyện tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra;

11. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

Chương V
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Khen thưởng

Các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có thành tích xuất sắc trong việc trong việc bảo vệ môi trường, được cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm về toàn bộ tình hình và kết quả công tác bảo vệ môi trường của đơn vị mình; khi vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành.

3. Việc xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường không thuộc Quy định này, thực hiện theo các quy định của Nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng có liên quan, Uỷ ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, UBND cấp huyện, UBND cấp xã kiểm tra các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thanh Tùng